

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Quý P, sinh năm 1992; thường trú: Tổ 1, ấp 61, xã Sông N, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 156/21, tổ 1, đường T khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1988; thường trú: Tổ 1, ấp 61, xã Sông N, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 156/21, tổ 1, đường T khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Quý P trình bày.:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Quý P và anh Nguyễn Cao C có thời gian tìm hiểu 01 năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộ 25, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2011, ngày 21/11/2011. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến đầu năm 2021 chuyển về thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C không chịu đi làm, phụ giúp chị P trong vấn đề kinh tế mà để tự chị P gánh vác. Chị P đã nhiều lần khuyên anh C đi làm nhưng anh C không nghe dẫn đến hai anh, chị thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 và chị P dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 08/2022. Nay, tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh C.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh C có yêu cầu chị P rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, chị P không đồng ý nên anh C đã đánh chị P và bị Công an phường Bình An mời về làm việc.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Cường L1, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Phi L2, sinh ngày 14/10/2011. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị P làm giáo viên với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa anh Nguyễn Cao C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị P tìm hiểu nhau được khoảng hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân. Anh, chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh được thời gian thì về sinh sống tại Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C nghỉ việc, không có việc làm nên không thể phụ giúp chị P về kinh tế dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau. Tuy nhiên, anh C vẫn còn tình cảm với chị P, mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp chị P cương quyết ly hôn thì anh C chỉ đồng ý hai vợ chồng ly thân. Anh C hứa sẽ cố gắng tìm việc làm để phụ giúp chị P và gia đình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh C nói chuyện khuyên nhủ chị P, mong muốn chị P cho anh C cơ hội và rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ.

Tuy nhiên, chị P không cho anh C nói chuyện, trong lúc nóng giận, anh C đã đánh chị P nên công an phường Bình An có mời anh C lên làm việc.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung tên Nguyễn Cường L1, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Phi L2, sinh ngày 14/10/2011. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2022, cháu Nguyễn Cường L1 và Nguyễn Phi L2 trình bày:* Trường hợp bố, mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì cháu Cường Long và cháu Phi Long xin ở với mẹ vì mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

- *Ngày 31/10/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Trần Quý P và anh Nguyễn Cao C tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Bình An và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Trần Quý P không có đơn yêu cầu Hội Liên hiệp phụ nữ phường B tiến hành hòa giải. Đồng thời, Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh, chị, do đó không biết rõ giữa hai anh, chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường B cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Quý P và anh Nguyễn Cao C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số

01/2011, ngày 21/11/2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị P xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C không phụ giúp chị P về kinh tế để mình chị P gánh vác nên dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hiện anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2021. Bản thân anh C cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do anh C không có việc làm, không phụ giúp được chị P về kinh tế, tuy nhiên anh vẫn còn thương, yêu chị P nên mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, cùng có trách nhiệm nuôi dạy con, làm việc nhà, đóng góp tài chính gia đình. Thực tế, anh C không có sự quan tâm, chia sẻ với chị P trong vấn đề đóng góp tài chính gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Bản thân anh C không đồng ý ly hôn nhưng từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay anh C không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn đánh chị P. Như vậy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị P và anh C là có thật, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh C có hai con chung tên Nguyễn Cường L1, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Phi L2, sinh ngày 14/10/2011. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh C không đồng ý ly hôn và cũng không đồng ý giải quyết về con chung.

Xét thấy, hiện cháu Nguyễn Cường L1 và cháu Nguyễn Phi L2 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị P. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi ba, mẹ ly hôn. Chị P có công việc và thu nhập ổn định, anh C không có công việc và thu nhập không ổn định. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao hai con chung Nguyễn Cường L1 và Nguyễn Phi L2 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị P nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Quý P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Quý P về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Cao C.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Quý P được ly hôn với anh Nguyễn Cao C [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Lộ 25, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/11/2011].

1.2 Về con chung: Anh Nguyễn Cao C giao hai con chung tên Nguyễn Cường L1, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Phi L2, sinh ngày 14/10/2011 cho chị Trần Quý P trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Trần Quý P và anh Nguyễn Cao C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Quý P không yêu cầu anh Nguyễn Cao C cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000603 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương